

HÀM NGÔN TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC “BÚP SEN XANH”

Nguyễn Thị Quỳnh Hương¹, Nguyễn Thị Hồng Hà²
Email: quynhhuong138@gmail.com, ORCID: 0009-0004-6928-4475

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/11/2025. Ngày phản biện đánh giá: 05/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 20/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1286

Tóm tắt: “Búp Sen Xanh” là một trong những tác phẩm văn học Việt Nam tiêu biểu của nhà văn Sơn Tùng viết về tuổi thơ, thời niên thiếu và tuổi 20 của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Nghiên cứu này nhằm mục đích xác định yếu tố hàm ngôn (HAN) thể hiện như thế nào và ý nghĩa của chúng. Định tính là đường hướng nghiên cứu chủ đạo với phương pháp phân tích, diễn giải, tổng hợp và đánh giá. Kết quả cho thấy, hàm ngôn ở tác phẩm này được thể hiện chủ yếu qua phương thức ẩn dụ, các thành ngữ và điển tích. Chúng mang ý nghĩa mô tả bối cảnh mất nước, cuộc sống cơ cực lầm than của người dân Việt Nam, nhưng vẫn tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước. Trong bối cảnh đó, Bác ra đời mang theo khát vọng cao cả và niềm tin to lớn của Ông Bà ngoại, rằng Bác sẽ như con chim Bàng có chí lớn, vùng vẫy bốn phương, và nhất định sẽ thành công.

Từ khóa: hàm ngôn, ý nghĩa, tác phẩm văn học, Búp Sen Xanh

I. Đặt vấn đề

Hàm ngôn (HAN) là một trong những chiến lược giao tiếp được dùng để diễn đạt một ẩn ý mà người nói/ người viết tạo ra để chuyển tải ý nghĩa một cách không trực tiếp. Tác phẩm “Búp Sen Xanh” - tác phẩm thành công nhất của cố nhà văn Sơn Tùng, viết về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ khi Người sinh ra ở làng quê nghèo tỉnh Nghệ An. Đây là tác phẩm có chứa nhiều hiện tượng HAN mà tác giả muốn gửi gắm tới người đọc. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu cách các HAN được thể hiện như thế nào và ý nghĩa của chúng được chuyển tải ra sao trong tác phẩm.

II. Cơ sở lý luận

2.1. Hàm ngôn

Hàm ngôn mang những thông tin ngầm, ý nghĩa ẩn, hoặc nghĩa hàm ẩn trong lời nói, chúng không được diễn đạt trực tiếp mà người đọc/người nghe cần phải dựa vào ngữ cảnh, các quy tắc giao tiếp và kinh nghiệm để suy luận ra. HAN được coi là một khái niệm quan trọng trong ngữ dụng học, giúp lời nói tinh tế hơn, sâu sắc hơn và có tính thẩm mỹ cao hơn. Ở Việt Nam, Hoàng (1975) đã giới thiệu khái niệm *tiền giả định* và gọi đó là *hàm nghĩa* của từ, phân biệt với *nghĩa*

¹ Học viện Hành chính và Quản trị công, Hà Nội, Việt Nam

² Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Vietnam

chính thức của nó. Theo ông, “*chúng ta nói một điều này, nhưng lại muốn cho người khác từ đó hiểu ra một điều khác, hoặc hiểu thêm một điều khác nữa. Điều nói gián tiếp đó, chúng tôi đề nghị gọi là hàm ngôn, đối lập với hiển ngôn là điều nói ra trực tiếp. Khi một lời có hàm ngôn, thì ý hàm ngôn thường là quan trọng, thậm chí có khi hiển ngôn chỉ là dùng để nói hàm ngôn, ý hàm ngôn mới là ý chính*” (Hoàng, 1975, tr. 89).

Về sau, khái niệm HAN được các tác giả khác như Nguyễn (1984a, 1996), Đỗ (1981, 1987), Cao (1991), Nguyễn (2000) sử dụng trong các nghiên cứu của mình. Từ định nghĩa trên, có thể thấy HAN có một số đặc điểm chính bao gồm: (i) *Tính suy luận* (inferability), nghĩa là người tiếp nhận phải “*giải mã*” dựa trên ngữ cảnh để hiểu ý thực sự của người phát ngôn; (ii) *Tính ngữ cảnh* (context-dependence), tức ý nghĩa HAN phụ thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp; và (iii) *Tính hàm ẩn* (implicit) không nằm trong ý nghĩa tường minh (hay nghĩa hiển ngôn) của từ ngữ. Về phân loại HAN, Grice (1975) cho rằng HAN có hai loại: HAN vô hướng và HAN hữu hướng. Trong khi HAN vô hướng là những thông tin ngoài chủ đích của người nói, trong đó có tiền giả định, hàm ngôn hữu hướng là những thông tin người nói chủ ý tạo ra và được gọi là *hàm ý*. Tiếp đến, ông cũng phân ra hàm ý độc lập với ngữ cảnh, thường gắn liền với các từ ngữ, hay cấu trúc cố định trong ngôn ngữ gọi là *hàm ý quy ước*, còn hàm ý phụ thuộc vào ngữ cảnh, tình huống giao tiếp cụ thể gọi là *hàm ý hội thoại*.

2.2. Thể hiện ngôn ngữ của hàm ngôn

Các nghiên cứu về chiến lược HAN tập trung vào cách người nói sử dụng ngôn ngữ ẩn dụ để truyền tải ý nghĩa trong

ngữ cảnh giao tiếp. HAN thường liên quan đến cơ chế ẩn ý, hư từ, hoặc cách nói vòng. Bởi vậy, các hướng nghiên cứu chính về chiến lược HAN gồm: (i) *Cơ chế tạo hàm ẩn*: là các cách nói vòng, sử dụng hư từ như: *nhưng, có, thì, cũng, nhé, mà,...* để tạo nghĩa hàm ẩn, nhằm đạt được mục đích thuyết phục hoặc giảm nhẹ; (ii) *Hàm ngôn quy ước*: là các biểu thức ngôn ngữ cụ thể có chức năng ngữ dụng như *trương tác và tổ chức hội thoại*; hay (iii) *Hàm ngôn trong ngữ cảnh*: là hàm ý trong các lĩnh vực cụ thể như ngôn ngữ báo chí để tạo ra sự hấp dẫn, che giấu ý định hoặc tạo khoảng cách. Tác giả Đoàn (2016) nghiên cứu HAN qua hư từ cho rằng hư từ đôi khi đóng vai trò quan trọng hơn cả thực từ; Nguyễn (2018) nhận định động từ nhận thức có thể làm HAN quy ước giúp người nghe thấy được tình trạng hiểu biết, sự đúng đắn, tính logic trong phát ngôn của người nói; Ngô (2019) kết luận người nói dùng HAN do nhiều nguyên nhân: không muốn trực tiếp làm mất thể diện của người nghe, do khiêm tốn, hay muốn mĩa mai, châm biếm, và quan trọng hơn nữa là không muốn chịu trách nhiệm trực tiếp về điều mình nói ra. Tuy nhiên, nghiên cứu hàm ngôn và ý nghĩa của chúng trên tác phẩm văn học liên quan tới cuộc đời Lãnh tụ Hồ Chủ tịch, cụ thể là tác phẩm “*Búp Sen Xanh*” thì chưa nghiên cứu nào đề cập tới.

2.3. Tác phẩm “Búp Sen Xanh”

“*Búp sen xanh*” của nhà văn Sơn Tùng là tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng, khắc họa cuộc đời Bác từ khi sinh ra tại làng Chùa năm 1890 tới khi Người rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước năm 1911 (Bùi, 1981). Tác phẩm này dài 347 trang tái hiện hình ảnh cậu bé Nguyễn Sinh Côn thời thơ ấu, tới cậu thiếu niên, chàng

thanh niên Nguyễn Tất Thành rời quê hương, bôn ba đi năm châu bốn bể tìm con đường lên no ấm cho dân tộc Việt Nam. Tác phẩm nhấn mạnh truyền thống gia đình, làng Sen quê hương đã hun đúc nên nhân cách cao quý, nghị lực phi thường của vị lãnh tụ kính yêu. Tác phẩm cũng là lời tri ân sâu sắc, tình cảm tôn kính mà nhà văn Sơn Tùng dâng lên Chủ tịch Hồ Chí Minh, bởi nó được chất lọc từ quá trình tìm hiểu và sưu tầm tài liệu bền bỉ trong suốt hơn 30 năm. Nghiên cứu này tập trung vào phân tích hàm ngôn của *Phần 1 Chương 1. Thời thơ ấu* từ trang 5 - trang 13 bởi đó là phần chứa nhiều hàm ý.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mục đích và câu hỏi nghiên cứu

Mục đích của nghiên cứu là tìm hiểu yếu tố hàm ngôn được thể hiện qua đặc điểm ngôn ngữ nào trong tác phẩm văn học “Búp Sen Xanh” và ý nghĩa của chúng mà tác giả muốn gửi gắm cho người đọc.

Để đạt mục đích này, nghiên cứu này tập trung trả lời câu hỏi sau:

Hàm ngôn ở Phần đầu Chương 1 “Thời thơ ấu” trong tác phẩm “Búp Sen Xanh” của nhà văn Sơn Tùng được thể hiện qua những hiện tượng ngôn ngữ nào và ý nghĩa của chúng ra sao?

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Đường hướng định tính được áp dụng chủ yếu, cụ thể là phương pháp phân tích, diễn giải, và tổng hợp, phương pháp thống kê số liệu hỗ trợ dùng để xác định số lượng và tỷ lệ HAN trong văn bản.

3.3. Thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu

Dữ liệu được lấy từ tác phẩm bản gốc tiếng Việt “Búp Sen Xanh” (Bùi, 1981)

gồm 127 câu ở phần đầu Chương 1. *Thời thơ ấu*. Trong số đó, có 72 câu chứa yếu tố HAN, được phân loại theo phạm trù để phân tích, bao gồm diễn đạt ẩn dụ, thành ngữ, và điển tích. Các nhóm phạm trù này được phân tích riêng, dựa trên bối cảnh, các bên tham gia hội thoại và ngôn ngữ để suy luận ra ý nghĩa của hàm ngôn. Bởi vậy, hàm ngôn quy ước và hàm ngôn ngữ cảnh trong nghiên cứu này được kết hợp với nhau để phân tích tìm ra nghĩa hàm ẩn đứng sau hàm ngôn.

IV. Kết quả và thảo luận

Trong số 127 câu của phần 1 Chương 1, có 72 câu có chứa yếu tố HAN, chiếm tỷ lệ khá cao (56,7%) trong toàn phần đầu này. Các yếu tố hàm ngôn này được thể hiện qua biện pháp ẩn dụ (56 câu, chiếm 77,7%), cách dùng thành ngữ (13 câu, chiếm 18,1%) và điển tích (3 câu 4,2%).

4.1. Hàm ngôn qua ẩn dụ

Ẩn dụ trong nghiên cứu này xuất hiện ở cả hình thức, cách thức, phẩm chất, và cảm giác. Ngay tên gọi của tác phẩm này “Búp Sen Xanh” là một hình tượng ẩn dụ hình thức và phẩm chất nói về Bác. “Búp sen” tượng trưng cho sự trong sáng, tinh khiết, thanh cao của tuổi thơ cậu bé Nguyễn Sinh Côn. Màu xanh dịu mát tượng trưng cho trí tuệ, sức sống, tấm lòng nhân ái và tình yêu hòa bình của Bác. Ở phần đầu này, ẩn dụ cách thức, phẩm chất chiếm đa số, kết hợp với nhân hoá để mô tả thiên nhiên, cơn giông buổi chiều “*dậy lên*”, “*nắng hẹp dần*”, “*ngả màu sẫm*”, “*khối mây đen dày đặc*”, “*quắc lên một roi chớp xanh lè, ngoằn nghèo rạch sáng vào da trời chì*”, “*tiếng trời gầm*”, “*trời sôi bụng*”, “*loạn giông*”. Tác giả mượn cảnh tượng thiên nhiên để ngụ ý nói về

thời cuộc loạn lạc, tình cảnh nước mất nhà tan, cơn giông của trời đất là cơn thịnh nộ của thiên nhiên, cũng như cơn tức giận của lòng người lúc đó. Bối cảnh không gian ngột ngạt này được cộng hưởng thêm gấp bội qua trò chuyện của dân làng Chùa, và lời ca buồn của ông Xẩm trong làng.

Các ẩn dụ cách thức đầy ẩn ý: “*loạn giông chứ có cơn mưa nào đâu!*” ngụ ý nói thời buổi loạn lạc, giông tố, chứ chưa có gì thay đổi cả. Cụm hư từ “*Chứ có...nào đâu!*” thậm chí còn mang tới tâm trạng tiêu cực, và vô vọng khi sự thật là “*Vua Hàm Nghi đã bại trận, Tây dương đầy vua đi biệt xứ... vận nước Nam mình hỏng rồi*”; người dân đã nhận biết sự thất bại của triều đình, thân phận của người dân mất nước qua cụm hư từ “*còn chi nữa*”, và tâm trạng tràn đầy thất vọng “*mà mong với đợi*”. Ngoài ra, lời ca của ông Xẩm chứa ẩn dụ phẩm chất “*Trời có thấu chăng*”, người dân “*cơ khổ nhiều đời đắng cay*”, “*khắp nơi khổ cực rạc ròi tẩm thân*”, bị “*bắt phu, bắt thuế ... nặng nề*” vì giặc đã “*chiếm mất cả thành đô kinh kỳ*”, nghĩa là nước đã mất, nhà đã tan, và vị thế nô lệ “*một nước làm năm bảy nước ăn*”. Tác giả mượn lời hát xẩm để nói hộ cảnh lầm than, cơ cực của người dân ta khi đất nước bị đô hộ qua ẩn dụ cách thức và phẩm chất.

Tuy nhiên, cũng trong cuộc nói chuyện và từ bài hát xẩm, những lời nói ủng hộ, đầy tin tưởng vào tương lai của đất nước vẫn vang lên đanh thép qua các ẩn dụ cách thức “*các quan râu đánh*”, “*các quan ta tức giận nhiều bề*” thể hiện mong mỏi, khát khao “*lập binh tiến đánh Tây thì cho tan*”, “*để mà khôi phục nước Nam*” của người dân. Và mong muốn này bộc lộ qua ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “*tiếng sủng của cụ Đình ở trên rừng lại kéo về*”

tới lập luận vô cùng vững chắc qua các ẩn dụ cách thức “*nước có lúc suy lúc thịnh, nhưng có khi mô hết được những bậc hiền tài lo việc giữ nước, việc cứu nước*” hay niềm tin sắt đá vào bậc vĩ nhân, anh hùng hào kiệt sẽ xuất hiện “*cây cỏ thụ ni bị gãy, thì rồi sẽ có cây khác mọc lên*”, tựa như vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi (1428) từng khẳng định trong *Bình Ngô Đại Cáo* “*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau. Song hào kiệt đời nào cũng có*”.

4.2. Hàm ngôn qua thành ngữ

Ngoài ra, bản gốc tiếng Việt còn xuất hiện các thành ngữ thể hiện bản sắc văn hoá Việt được ẩn nghĩa vào câu từ. Chẳng hạn, mẹ của Bác gần ngày sinh không ở nhà nghỉ, mà vẫn còn đi làm đồng xa, con đau chuyển dạ tới bất ngờ, nên bà ngoại mắng “*Tham công tiếc việc* cho lắm”. Câu thành ngữ đánh giá này biểu đạt người hay lam hay làm, chăm chỉ, không chỉ cho thấy đức tính tần tảo của người phụ nữ, mà còn thực sự làm người đọc cảm động vì sự nỗ lực, cố gắng làm lụng tới ngày tận ngày sinh của thân mẫu Bác Hồ - Bà Hoàng Thị Loan. Khi Cha của Bác - Ông Nguyễn Sinh Sắc dạy học trò thay Ông ngoại Hoàng Xuân Đường bị ốm, lời dạy sử dụng thành ngữ Hán - Việt “*Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản*” của Khổng Tử (*Từ ông vua cho đến kẻ thường dân, ai nấy đều phải lấy việc sửa mình làm gốc*”) có sự hàm ý rất cao, muốn nói tới sự tu thân tích đức là điều căn bản, cốt lõi của con người dù đó là ai, ở địa vị nào, thân phận nào. Khoảnh khắc Bác chào đời được Bà ngoại cất rón, được Bà “*Ủ cháu vô quần ông cho có khước*” với niềm tin mãnh liệt truyền phước lành, tinh tuý quý báu từ thế hệ ông sang thế hệ cháu, với thành ngữ biểu đạt “*Có hơi*

ấm ông, nó sẽ được sáng dạ, học giỏi hơn ông, hơn cha cho mà coi". Điều này bắt nguồn từ câu thành ngữ dân gian thuần Việt "*Con hơn cha là nhà có phúc*", nhưng không chỉ dừng lại ở đó, mong mỗi nơi Bà ngoại của Bác còn cao hơn, và xa hơn thế "*sáng dạ, học giỏi hơn ông, hơn cha*", và Bà lại nói điều này đầy quả quyết, chắc chắn "*cho mà coi*". Đầu chỉ có vậy, Bà còn dặn dò Mẹ của Bác "*Con nhớ là hằng ngày phải chăm lau sạch đĩa đèn rồi hãy đổ dầu thắp*" bởi lời dạy của tổ tiên các cụ qua thành ngữ đánh giá "*Sinh con dạ sáng lâu lâu, nhớ mẹ ngày trước chăm lau đĩa đèn*". Lời dặn của Bà làm chúng ta nhớ tới câu thành ngữ "*Phúc đức tại mẫu*", là quy luật nhân quả, có được những đứa con thông minh, giỏi giang thì phần nhiều là nhờ ở công lao trời bể của người mẹ. Có thể thấy giây phút Bác chào đời, Bác đã được bao bọc chở che trong vòng tay của Bà ngoại với sự chu toàn, lo toan trọn vẹn mọi bề của Bà, được truyền hơi ấm từ Ông ngoại như sự tiếp nối qua thế hệ.

Hơn cả thế, khi đặt tên cho Bác, Ông ngoại đã ngầm nghĩ tới thành ngữ biểu đạt "*Sinh con quý tử khó nuôi. Trồng cây ngon trái lắm người lắm le*" để ẩn ý những khó khăn, thử thách nuôi dạy một đứa con nên người. Ông của Bác đã nhìn xa, trông rộng cả một tương lai sau này của Bác khi cho rằng "*ta cầm nắm hạt giống trong tay thì ta đã dám tin chắc sẽ có những mầm cây mọc lên bập bập, và nhìn các mầm non xanh tốt đoán biết được cây quả của nó sau này*". Một hành trình đời cả người được Ông gói gọn ẩn dụ qua hình ảnh "*hạt giống - mầm cây bập bập - mầm non xanh tốt - cây - quả*" như một lời tiên đoán chắc chắn về tương lai sáng lạn của Bác sau này, rằng "*thằng bé sẽ có*

chí, vùng vẫy bốn bể, dù gặp truân chuyên chìm nổi, nhưng ắt thành công". Điều này cho phép chúng ta liên tưởng tới câu ngạn ngữ "*Có chí thì nên. Có công mài sắt có ngày nên kim*", và chính Bác cũng đã nhắc lại có "*gian nan rèn luyện mới thành công*" trong bài thơ "*Giã gạo*" (Nhật ký trong tù) của mình.

4.3. Hàm ngôn qua sự tích

Bác Hồ được Ông ngoại đặt tên ngay ngày Bác sinh ra "*tôi muốn đặt cho cháu tên là Côn, tự là Tất Thành*". Tên Bác khi sinh ra được gắn với điển tích Côn Bằng, đó là một điển tích mang tính lịch sử và huyền thoại của câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng "*Tiêu dao du*" (Ngô, 2010) thuộc sách Trang Tử, kể về loài cá Côn khổng lồ ở biển Bắc (*mình dài không biết mấy ngàn dặm*) biến thành con chim đại bàng vĩ đại tên Bằng (*Nó biến thành con chim gọi là chim Bằng, lưng rộng không biết mấy ngàn dặm. Khi con chim Bằng ấy vỗ cánh bay lên cao, hai cánh nó lớn như đám mây che cả bầu trời. Loài chim ấy, khi biển động, sóng lớn gầm gào, nó liền chuyển về biển Nam*). Nó trở thành biểu tượng tuyệt đối của những gì khổng lồ, và vượt ra khỏi trí tưởng tượng thông thường của con người. Đó là biểu tượng sự tự do, lột xác vĩ đại và chí hướng rộng lớn, được xem là hình ảnh ẩn dụ cho ý chí mãnh liệt, uy lực bao trùm cả thiên địa, thoát khỏi ràng buộc để đạt đến cảnh giới tự do tuyệt đối. Tên tự "*Tất Thành*" của Bác cũng mang ý nghĩa hướng tới kết quả, nhất định và cuối cùng sẽ thành công, bổ sung rất mạnh mẽ cho tên danh "*Côn*", tạo thành một khối liên hệ chặt chẽ giữa tên danh và tên tự. Và như chúng ta đều biết, cả cuộc đời của Bác sau này phản ánh đúng như ý nghĩa tên gọi mà Ông ngoại đã

gửi gắm cho Bác từ thuở ấu thơ, khi Bác mới chào đời như sự khởi nguồn của một bậc vĩ nhân mà Ông ngoại của Bác đã tiên tri được trước.

V. Kết luận

Phần đầu trong “*Chương 1. Thời thơ ấu*” trong tác phẩm *Búp Sen Xanh* tác giả đã sử dụng các hàm ngôn thể hiện ở phương thức ẩn dụ cách thức và phẩm chất đề phác họa bối cảnh nước mất, nhà tan, cuộc sống cơ cực lầm than của người dân Việt Nam mất nước. Trong đêm trường nô lệ đó, người dân vẫn một lòng tin tưởng, một dạ mong chờ một vĩ nhân xuất hiện có thể cứu nước, và làm thay đổi cuộc sống của họ. Và rồi Bác đã sinh ra trong bối cảnh đó, trong vòng tay yêu thương của Ông Bà ngoại, được chở che trọn vẹn mọi bề, thể hiện qua các thành ngữ biểu đạt cả thuần Việt và Hán - Việt, và điển tích Côn Bằng với mong muốn, khát vọng cao cả của Ông Bà, gửi gắm trọn niềm tin Tất Thành vào cậu bé Nguyễn Sinh Côn.

Tài liệu tham khảo

- Bùi, S. T. (1981). *Búp sen xanh*. NXB Kim Đồng.
- Cao, X. H. (1991). *Tiếng Việt: Sơ thảo ngữ pháp chức năng*. NXB Khoa học Xã hội.
- Đoàn, T. T. (2016). Vai trò của hư từ trong việc tạo hàm ngôn. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, 8(105), 72-75.
- Đỗ, H. C. (1981). *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- Đỗ, H. C. (1985). *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*. NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp.
- Grice, P. (1975). Logic and conversation. In P. Cole & J. L. Morgan (Eds.), *Syntax and semantics* (Vol. 3). Academic Press.

- Hoàng, P. (1975). Phân tích ngữ nghĩa. *Ngôn ngữ*, (2).
- Lê, T. M. T. (2014). *Khảo sát nghĩa hàm ẩn qua các lối nói vòng trong một số tiểu thuyết của Nhà xuất bản Công an Nhân dân* [Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội].
- Ngô, Q. H. (2010, September 26). *Tiêu dao du - Trang Tử*. Thư Viện Ngữ Văn của Ngô Quang Hớn. https://quanghon77.violet.vn/entry/show/entry_id/4025752
- Ngô, T. M. T. (2019). Nghĩa hàm ẩn và các kiểu nghĩa hàm ẩn của câu. In *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam* (pp. 460-465).
- Nguyễn, Đ. D. (1984a). Ngữ nghĩa các từ hư: Nghĩa của từ. *Ngôn ngữ*, (2).
- Nguyễn, Đ. D. (1984b). Ngữ nghĩa các từ hư: Nghĩa của cặp từ. *Ngôn ngữ*, (4).
- Nguyễn, Đ. D. (1996). *Lô gích và tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn, Đ. D. (n.d.). *Ngữ nghĩa các từ hư: Nghĩa của cấu trúc trùu tượng*. Ngôn Ngữ. http://ngonngu.org/ngu_nghia_tu_hu_doc.htm
- Nguyễn, T. T. H. (2018). Hàm ngôn quy ước của một số biểu thức ngôn ngữ có chứa động từ nhận thức trong tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Huế*, 2(46), 72-77.
- Nguyễn, T. G. (2000). *Dụng học Việt ngữ*. NXB Giáo dục.
- Trịnh, K. M. (2017, January 3). *Tìm hiểu về danh, tự, hiệu của người xưa*. Nghiên Cứu Lịch Sử. <https://nghiencuulichsu.com/2017/01/03/tim-hieu-ve-danh-tu-hieu-cua-nguoi-xua/>

IMPLICATURE IN THE LITERARY TEXT “GREEN LOTUS BUD”

Nguyen Thi Quynh Huong¹, Nguyen Thi Hong Ha²

Abstract: *“Green Lotus Bud” - one of the well-known Vietnamese literary works by Son Tung, describing the childhood, adolescence, and early twenties of the great President Ho Chi Minh. The aim of this study is to determine how implicature is expressed and what it means. The main research approach is qualitative analysis, employing analytical, interpretive, synthetic, and evaluative methods. The findings show that the implied meaning in this work is primarily expressed through metaphors, idioms, and allusions. These expressions convey the meaning of depicting the context of national subjugation, the impoverished and miserable lives of the Vietnamese, yet still believing in a bright future for the country. In this context, Uncle Ho was born carrying the lofty aspirations and great faith of his maternal grandparents, that he would be like a mythical bird with great ambition, traveling all abroad, and would certainly succeed.*

Keywords: *implicature, meaning, literary work, Green Lotus Bud*

¹ Academy of Public Administration and Governance, Hanoi, Vietnam

² Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam